TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/HS-PT
Ngày: 04-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Thường
Ông Đặng Kim Nhân

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Duy Hoàng - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2025/TLPT-HS ngày 01/8/2025 đối với bị cáo Nguyễn Minh H và đồng phạm về tội "*Gây rối trật tự công cộng"*.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 19-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai). Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2026/QĐXXPT-HS ngày 14/01/2026.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Minh H, sinh ngày 03/9/1993 tại tỉnh Bình Định; nơi thường trú: tổ B, khu phố D, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: tổ A, khu phố C, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Minh T và con bà Nguyễn Thị Bích T1; có vợ tên là Nguyễn Anh T2 và có 01 người sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 28/9/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử và xử phạt 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo Bản án số 154/2012/HS-ST.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Võ Xuân M, sinh ngày 21/6/1985 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: 4 Q, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: không; con ông Võ Văn H1 và con bà Đặng Thị Mỹ D1; có vợ tên là Đỗ Thị T3 (đã ly hôn) và có 01 người sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 17/01/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử và xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Bản án số 28/2012/HS-ST.

Ngày 06/11/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử và xử phạt 06 tháng tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo Bản án số 04/2013/HS-ST.

Bị tạm giam từ ngày 07/9/2023 đến ngày 02/02/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

3. Họ và tên: Nguyễn Quốc H2, sinh năm 1996 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: C N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Hữu T4 và con bà Huỳnh Thị Thanh H3; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 24/12/2013 bị Công an phường B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.500.000 đồng về hành vi "*Trộm cắp tài sản nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự*".

Ngày 17/6/2016 bị Công an thị xã A xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.000.000 đồng về hành vi "*Sử dụng hung khí nhằm mục đích gây thương tích cho người khác*".

Ngày 12/7/2017 bị Công an phường B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi "*Đánh nhau*".

Ngày 12/12/2017 bị Công an phường B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "*Đánh bạc*".

Ngày 10/02/2020 bị Công an phường N xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi "*Đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bầu cua thắng thua bằng tiền*".

Ngày 23/3/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử và xử phạt 03 tháng 22 ngày tù về tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*" theo Bản án số 27/2016/HS-ST.

Ngày 26/01/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử và xử phạt 12 tháng tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo Bản án số 06/2021/HS-ST.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

4. Họ và tên: Trần Quang N (tên gọi khác: Hạo Nhân), sinh ngày 03/6/2003 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Khu V phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: không; con ông Trần Đông H4 và con bà Nguyễn Thị H5; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 20/12/2022 bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử và xử phạt 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng về tội "*Tổ chức đua xe trái phép*" theo Bản án số 96/2022/HS-PT.

Bị bắt tạm giam ngày 05/6/2023 đến ngày 01/11/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lÃnh tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

5. Họ và tên: Hồ Quốc T5, sinh ngày 19/02/1998 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: tổ B, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Hồ Văn L và con bà Lê Thị Hồng T6; tiền án: Không.

Tiền sự: ngày 15/5/2023 bị Công an thị xã A xử phạt vi phạm hành chính số tiền 6.500.000 đồng về hành vi "*Cố ý gây thương tích*".

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

6. Họ và tên: Hồ Quang T7 (tên gọi khác: Thắng D2), sinh ngày 02/7/1993 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: C Q, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 11/12; nghề nghiệp: không; con ông Hồ Kim K và con bà Đinh Thị Mỹ D3; sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Hồng P và có 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 26/01/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử và xử phạt 06 tháng tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo Bản án số 06/2021/HS-ST.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

7. Họ và tên: Võ Xuân H6, sinh ngày 21/10/2003 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: tổ F, khu V, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: không; con ông Võ Văn D4 và con bà Nguyễn Thị T8; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 26/01/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử và xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo Bản án số 06/2021/HS-ST.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

8. Họ và tên: Nguyễn Minh A (tên gọi khác: Minh B), sinh ngày 13/9/1994 tại tỉnh Bình Định; nơi thường trú: tổ A, khu phố B, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: 486/2/4 N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 7/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Văn M1 và con bà Đinh Thị N1; có vợ tên là Nguyễn Thị Thanh T9 và có 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 20/4/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử và xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo Bản án số 46/2012/HS-ST.

Ngày 31/7/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử và xử phạt 04 tháng tù về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo Bản án số 102/2012/HS-ST.

Ngày 16/9/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử và xử phạt 06 tháng tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*"; 14 tháng tù về tội "*Cố ý gây thương tích*". Tổng hợp hình phạt của hai tội là 20 tháng tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2023 đến ngày 05/11/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

9. Họ và tên: Lê Chí B1, sinh ngày 06/7/2003 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: tổ D, khu phố I, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 7/12; nghề nghiệp: không; con ông Lê Minh H7 và con bà Đặng Thị Lệ H8; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 22/3/2018 bị Công an thành phố Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "*Trộm cắp tài sản*", hình thức "*Cảnh cáo*".

Ngày 16/10/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử và xử phạt 04 năm tù về tội "*Cướp tài sản*" theo Bản án số 107/2018/HS-ST.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

10. Họ và tên: Nguyễn Văn L1, sinh ngày 08/9/2004 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Đ, thôn Q, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định (nay là phường B, tỉnh

Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Văn C và con bà Ngô Thị N2; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 08/11/2022 bị Công an thị xã A xử phạt vi phạm hành chính số tiền 3.250.000 đồng về hành vi "*Gây thương tích cho người khác nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự*".

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

11. Họ và tên: Nguyễn Văn B2, sinh ngày 10/4/1991 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: 1 D, tổ E, khu phố B, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Văn S và con bà Hồ Thị Ánh T10; có vợ tên là Võ Lê Thanh T11 và có 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 27/12/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử và xử phạt 02 năm tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*" theo Bản án số 145/2010/HS-ST.

Ngày 25/10/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử và xử phạt 18 tháng tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*" theo Bản án số 249/2013/HS-PT.

Ngày 14/6/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Phù Cát xét xử và xử phạt tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) về tội "*Đánh bạc*" theo Bản án số 13/2018/HS-ST.

Ngày 01/8/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử và xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo Bản án số 65/2018/HS-ST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/4/2024 đến ngày 16/8/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

12. Họ và tên: Tần Quang K1, sinh ngày 21/12/1997 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: A N, tổ A, khu phố C, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Tần Văn M2 và con bà Bùi Thị Hồng H9; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 28/8/2024 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử và xử phạt 30 tháng tù về các tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" và "*Bắt, giữ người trái pháp luật*" theo Bản án số 56/2024/HS-ST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/4/2024, có mặt tại phiên toà.

13. Họ và tên: Lê Tiến L2, sinh ngày 10/01/1996 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: tổ E, khu phố G, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Lê Văn T12 và con bà Nguyễn Thị Hồng N3.

Tiền án: ngày 19/12/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử và xử phạt 02 năm tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo Bản án số 209/2016/HS-PT.

Nhân thân: ngày 16/9/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử và xử phạt 04 năm 08 tháng tù về các tội "*Cố ý gây thương tích*", "*Gây rối trật tự công cộng*" theo Bản án số 112/2019/HS-ST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/02/2024 đến ngày 13/7/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

14. Họ và tên: Trần Tuấn K2, sinh ngày 02/01/1985 tại tỉnh Bình Định; nơi thường trú: tổ E, khu phố H, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: tổ E, khu phố G, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Trần Thanh H10 và con bà Huỳnh Thị Ngọc T13; có vợ tên là Đặng Thị Kim S1 và có 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 26/9/2007 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử và xử phạt 04 năm tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo Bản án số 125/2007/HS-ST.

Ngày 26/12/2012 bị Tòa án Quân sự Trung ương xét xử và xử phạt 05 năm tù về tội "*Phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia*" theo Bản án số 10/2012/HS-PT1.

Ngày 07/5/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử và xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo Bản án số 53/2013/HS-ST. Tổng hợp hình phạt 05 năm tù tại Bản án số 10/2012/HS-PT1 là 06 năm 06 tháng tù.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

15. Họ và tên: Nguyễn Trường N4, sinh ngày 23/9/1986 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: tổ E, khu phố B, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Q và con bà Ngô Thị N5; có vợ tên là Lê Thị Cẩm T14 và có 03 người

con, con lớn nhất sinh năm 2011 và con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 25/7/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử và xử phạt 06 tháng tù về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo Bản án số 155/2013/HS-PT.

Ngày 01/8/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử và xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "*Cưỡng đoạt tài sản*" theo Bản án số 65/2018/HS-ST.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

16. Họ và tên: Mai Công Đ, sinh ngày 02/11/1997 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã C, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Mai Công P1 và con bà Đỗ Thị Bích L3; có vợ tên là Hồ Thị Kiều D5 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2020 và con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 25/3/2020 bị Công an huyện P, tỉnh Bình Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "*Xâm phạm đến sức khỏe của người khác*".

Ngày 29/10/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử và xử phạt 06 tháng 15 ngày tù về tội "*Gây rối trật tự công cộng*" theo Bản án số 109/2020/HS-ST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến ngày 02/4/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

17. Họ và tên: Huỳnh Ngọc H11 (tên gọi khác: B2), sinh ngày 12/6/2002 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: tổ E, khu phố G, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (nay là phường Q, tỉnh Gia Lai); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; trình độ văn hoá: 8/12; nghề nghiệp: không; con ông Huỳnh Ngọc T15 và con bà Nguyễn Thị Phương G; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2023 đến ngày 02/4/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm ngày 21/5/2023, trước số nhà E đường H, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định xảy ra vụ đánh nhau giữa 2 nhóm thanh niên gồm:

Nhóm của Trần Ngọc C1 *(gọi là nhóm* C1*) bao gồm:* Trần Ngọc C1, Lương Tiểu L4, Nguyễn Minh H, Phạm Gia H12, Nguyễn Minh A, Nguyễn Hồng S2, Nguyễn Vũ Q1, Võ Nhất N6, Lê Minh H13, Lê Bá H14, Lê Chí B1, Mai Trường T16, Nguyễn Đông H15, Võ Thanh T17, Võ Ngọc H16, Hồ Công T18, Nguyễn Anh P2, Nguyễn Hà Minh V, Bùi Ngọc H17, Mai Thành N7, Nguyễn Hồng T19, Hồ Quang T7, Nguyễn Văn L1, Võ Xuân H6, Nguyễn Quốc H2, Nguyễn Nhật T20, Trần Quang N, Võ Xuân M, Hồ Quốc T5, Nguyễn Ngọc S3, Nguyễn Quốc P3, Lê Trần Thế S4, Trần Minh Q2, Bùi Hồng V1, Đặng Công T21, Nguyễn Thành C2, Trần Huỳnh H18, Cao Gia B3, Bùi Thanh H19, Lê Anh V2, Đinh Văn T22, Đinh K3 và một số thanh niên chưa rõ nhân thân, lai lịch.

Nhóm của Nguyễn Văn B2 *(gọi là nhóm* Bin A1*) bao gồm:* Nguyễn Văn B2, Lê Tiến L2, Tần Quang K1, Trần Tuấn K2, Trần Ngọc A2, Nguyễn Trường N4, Nguyễn Văn V3, Nguyễn Khánh V4, Mai Quốc Đ1, Huỳnh Ngọc H11, Mai Công Đ, Nguyễn Cao Q3, Võ Thiện T23, Nguyễn Thái K4, Lê Hồng C3, Lê Đăng K5, Võ Văn Đ2, Võ Quang P4, Dương Gia B4, Trần Quốc T24 và một số thanh niên chưa rõ nhân thân, lai lịch.

**** Nội dung diễn biến vụ án cụ thể như sau:***

Tối ngày 20/5/2023, trong lúc Trần Ngọc C1 cùng Lương Tiểu L4, Nguyễn Minh H và Phạm Gia H12 chơi tại quán R ở Số A đường H, thành phố Q thì Trần Ngọc C1 bị Nguyễn Văn B2 cùng một số đối tượng khác trong nhóm của Bin A1 đánh. Sau khi bỏ về, C1 huy động đồng bọn khoảng hơn 50 người, chuẩn bị nhiều loại hung khí như súng, mác và sử dụng nhiều loại phương tiện như xe ô tô, xe mô tô tìm đánh nhóm Bin A1 trả thù.

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 20/5/2023 nhóm của Trần Ngọc Cường tập T25 phía sau quán bida "T22" ở số nhà B đường H, thành phố Q gồm: Trần Ngọc C1, Lê Minh H13, Võ Nhất N6, Lê Bá H14, Lương Tiểu L4, Nguyễn Đông H15, Nguyễn Anh P2, Mai Trường T16, Võ Thanh T17, Võ Ngọc H16, Phạm Gia H12, Nguyễn Minh A, Nguyễn Hồng S2, Nguyễn Hồng T19, Nguyễn Hà Minh V, Lê Chí B1, Bùi Ngọc H17, Nguyễn Vũ Q1, Nguyễn Minh H, Hồ Công T18, Mai Thành N7, Lê Trần Thế S4, Nguyễn Thành C2, Trần Huỳnh H18, Cao Gia B3, Bùi Thanh H19, Lê Anh V2, Trần Minh Q2, Bùi Hồng V1, Đặng Công T21, Hồ Quang T7, Nguyễn Quốc H2, Nguyễn Nhật T20, Trần Quang N, Nguyễn Văn L1, Võ Xuân H6, Võ Xuân M, Nguyễn Ngọc S3, Hồ Quốc T5, Nguyễn Quốc P3, Đinh Văn T22, Đinh K3 và một số đối tượng khác chưa rõ nhân thân, lai lịch (nhóm C1 có khoảng hơn 50 người). Trong đó, Võ Nhất N6 đem theo 03 khẩu súng, Nguyễn Hồng S2 cầm theo 01

khẩu súng, C1 đem theo 05 cây mác bỏ vào xe 16 chỗ; Minh A, C1 bảo Hồng S2 lái xe 16 chỗ đi lấy thêm khoảng 20 cây đao, mác khác cho đồng bọn sử dụng đánh nhau. Hung khí để trong 02 xe ô tô loại 16 chỗ. C1 và Minh A bảo đồng bọn dùng giấy có chữ "Xe xin số", băng keo, bì nilon dán biển số xe, mặc quần áo dài tay, đeo khẩu trang che mặt và dùng khẩu trang màu trắng đeo trên cánh tay để tránh đánh nhầm. C1 và Tiểu L4 liên tục gọi điện thoại hẹn nhóm Bin A1 đánh nhau.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Ngọc C1 và Nguyễn Văn B2 hẹn "cạch hàng" tại đoạn đường gần cây xăng P5 thuộc phường G, thành phố Q nên C1 và Minh A bảo Đông H15 đi cùng Thanh T17, Minh V đi cùng Ngọc H17 đến cây xăng P5 kiểm tra. Nguyễn Minh A lái xe Vinfast trắng, biển số 74A-18116 chở Trần Văn S5 chạy đến điểm hẹn ở khu vực cây xăng P5 để xem nhóm Bin A1 có tập trung không, có Công an không. Sau khi thấy không có ai, Minh A báo lại cho C1 biết. Lúc này, tất cả đã lên xe ô tô và mô tô di chuyển đến cây xăng P5, cụ thể:

- Nguyễn Hồng S2 lái xe ô tô loại 16 chỗ biển số 92D-001.02 chở Nguyễn Anh P2, Võ Ngọc H16, Hồ Công T18, Lê Chí B1, Phạm Gia H12, Lê Trần Thế S4, Nguyễn Thành C2, Trần Huỳnh H18, Bùi Thanh H19, Lê Anh V2, Bùi Hồng V1, Trần Minh Q2, Đặng Công T21, Cao Gia B3 và một số đối tượng khác chưa rõ lai lịch;

- Võ Nhất N6 lái xe ô tô Tucson màu đen biển số 77A-146.55 chở Lê Bá H14, Nguyễn Minh H, Lê Minh H13, Nguyễn Vũ Q1 và 01 thanh niên tên Văn Minh Anh H20 (chưa rõ nhân thân, lai lịch);

- Hồ Quang T7 lái xe ô tô Xpander màu trắng biển số 77E-006.78 chở Võ Xuân H6, Nguyễn Quốc H2, Nguyễn Văn L1;

- Nguyễn Hồng T19 lái xe ô tô Cerato màu đỏ biển số 77A-128.63 chở Mai Thành N7, Đinh Văn T22, Đinh K3;

- Trần Tiến K6 lái xe taxi biển số 77E-004.19 chở Võ Xuân M, Nguyễn Ngọc S3, Hồ Quốc T5, Nguyễn Quốc P3 và một số thanh niên chưa rõ lai lịch;

- H10 và nhiều đối tượng chưa rõ lai lịch đi trên xe 16 chỗ biển số 77F-001.14;

- Nhóm đi xe mô tô gồm: M4 lái xe mô tô hiệu SH màu trắng chở Lương Tiểu L4 cầm đao, Trần Ngọc C1 ngồi sau; Nguyễn Đông H15 lái xe mô tô biển số 77L1 - 993.75 chở Võ Thanh T17 ngồi sau; Bùi Ngọc H17 lái xe mô tô hiệu Airblade màu đỏ - đen biển số 77L2-113.14 chở Nguyễn Hà Minh V và một số xe khác.

Nhóm C1 chia thành hai nhóm, một nhóm đi hướng Hoàng Văn T26 - T - Võ Liệu đến cây xăng P5, nhóm còn lại đi đường H - Quốc lộ A đến cây xăng P5 nhập chung với xe của Nguyễn Minh A. Khi đến nơi, do không thấy nhóm Bin A1 nên cả nhóm kéo thành hàng dài trên đường quay lại điểm hẹn sau quán bida "T22". Lúc này, Nguyễn Nhật T20 điều khiển xe ô tô Accent trắng biển số 77A-243.87 chở Trần Quang N đến tập trung cùng nhóm C1 tại quán bida "T22".

Trong cùng thời gian này, nhóm Nguyễn Văn B2 (gọi là Bin A1) gồm: Nguyễn Văn B2, Lê Tiến L2, Tần Quang K1, Trần Tuấn K2, Trần Ngọc A2, Võ Thiện T23, Nguyễn Trường N4, Nguyễn Văn V3, Nguyễn Khánh V4, Mai Quốc Đ1, Huỳnh Ngọc H11, Mai Công Đ, Nguyễn Cao Q3, Nguyễn Thái K4, Lê Hồng C3, Lê Đăng K5, Võ Văn Đ2, Võ Quang P4, Dương Gia B4, Trần Quốc T24 (20 người) và một số đối tượng khác chưa rõ lai lịch đang ăn nhậu trước tiệm cầm đồ "Hưng Vương", địa chỉ 514 đường H, phường L, thành phố Q.

Khoảng 22 giờ 55 phút cùng ngày, Trần Ngọc C1 sau khi gọi điện thách thức đánh nhau với Nguyễn Văn B2 thì nghe B2 nói đang nhậu tại trước tiệm C6 và thách thức C1 sang đây đánh nhau. Do vậy, C1 rủ cả nhóm đi đến đánh nhóm Bin A1 ở tiệm cầm đồ H đường H, thành phố Q; tất cả nhóm đều đồng ý, cụ thể:

- Nguyễn Hồng S2 lái xe ô tô loại 16 chỗ biển số 92D-001.02 chở Nguyễn Anh P2, Võ Ngọc H16, Hồ Công T18, Lê Trần Thế S4, Nguyễn Thành C2, Trần Huỳnh H18, Bùi Thanh H19, Lê Anh V2, Bùi Hồng V1, Trần Minh Q2, Đặng Công T21, Cao Gia B3 và một số đối tượng khác chưa rõ lai lịch;

- Võ Nhất N6 lái xe ô tô Tucson màu đen biển số 77A-146.55 chở Lê Bá H14, Nguyễn Minh H, Lê Minh H13, Nguyễn Vũ Q1 và 01 thanh niên tên Văn Minh Anh H20 (chưa rõ nhân thân, lai lịch);

- Nguyễn Nhật T20 lái xe Accent màu trắng biển số 77A-243.87 chở Trần Quang N, Nguyễn Quốc H2, Hồ Quang T7;

- Nguyễn Văn L1 lái xe Xpander màu trắng biển số 77E-006.78 chở Võ Xuân H6, Võ Xuân M;

- Nguyễn Hồng T19 lái xe ô tô Cerato màu đỏ biển số 77A-128.63 chở Mai Thành N7, Đinh Văn T22, Đinh K3, Lê Chí B1, Phạm Gia H12, Lương Tiểu L4;

- Trần Tiến K6 lái xe taxi biển số 77E-004.19 chở Nguyễn Ngọc S3, Hồ Quốc T5, Nguyễn Quốc P3 và một số thanh niên chưa rõ lai lịch;

- Nhóm thanh niên đi xe 16 chỗ biển số 77F-001.14 do đối tượng H10 ở Gia Lai điều khiển;

- Nhóm đi xe mô tô gồm: M4 lái xe mô tô hiệu SH màu trắng chở Lương Tiểu L4 cầm đao, Trần Ngọc C1 ngồi sau; Nguyễn Đông H15 lái xe mô tô biển số 77L1 - 993.75 chở Võ Thanh T17 ngồi sau; Bùi Ngọc H17 lái xe mô tô hiệu Airblade màu đỏ - đen biển số 77L2-113.14 chở Nguyễn Hà Minh V và một số xe khác.

Đến khoảng 23 giờ 08 phút cùng ngày, nhóm C1 di chuyển từ Công viên H đến gần tiệm C6 thì thấy nhóm Bin A1 đang nhậu tại đây nên dừng lại, xuống xe phát hung khí trong hai xe 16 chỗ cho cả nhóm. Nhóm Bin A1 phát hiện nhóm C1 nên hô hào, thách thức, dùng ghế, ly, chén trên bàn nhậu ném về phía nhóm C1. Lúc này, Nguyễn Hồng S2 ngồi trong xe dùng súng bắn 03 phát lên trời rồi sau đó S2 lái xe 16 chỗ biển số 92D-001.02 chạy vượt qua tiệm cầm đồ (hướng từ đường P về B) khoảng 05 mét thì dừng lại. Nhóm trên xe này gồm Lê Trần Thế S4, Trần Huỳnh H18, Bùi Thanh H19, Lê Anh V2, Trần Minh Q2, Đặng Công T21, Hồ Công T18, Bùi Hồng V1, Nguyễn Thành C2 cầm đao, mác xuống xe xông vào đánh nhóm Bin A1. Lúc này, nhóm của C1 đi trên xe 16 chỗ, biển số 77F-001.14 và đi trên một số xe ô tô khác cũng cầm đao, mác xông đến đánh nhóm Bin A1, trong đó có: Trần Ngọc C1, Bùi Ngọc H17, Nguyễn Vũ Q1, Phạm Gia H12 và một số đối tượng chưa rõ nhân thân lai lịch. Lê Bá H14, Lê Minh H13 và đối tượng tên Văn Minh Anh H20 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cầm súng do N6 mang theo xông đến chỗ nhóm Bin A1.

Riêng Võ Thanh T17 và Nguyễn Đông H15 đi xe mô tô đến ngã ba H - P thì rẽ phải bỏ đi về đường P, không tham gia cùng nhóm C1 đánh nhau. Nguyễn Hồng T19, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Nhật T20, Võ Nhất N6, Nguyễn Hồng S2 vẫn ngồi trên xe ô tô. Nguyễn Hà Minh V, Mai Trường T16 ngồi trên xe mô tô. Nguyễn Quốc P3, Hồ Quốc T5, Nguyễn Ngọc S3 vẫn ngồi trên xe taxi đậu ở ngã ba H - P. Võ Xuân M (cầm đao), Võ Xuân H6 xuống đứng ngay chỗ xe Xpander đậu. Lê Chí B1, Hồ Quang T7, Nguyễn Quốc H2 xuống đứng ngay chỗ xe Accent đậu; Trần Quang N vẫn ngồi trên xe Accent. Nguyễn Anh P2, Võ Ngọc H16, Cao Gia B3 cầm mác đứng ngay cạnh cửa xe 16 chỗ của Hồng S2 lái; Nguyễn Minh H cầm mác đứng ngay cạnh cửa xe 05 chỗ 77A-146.55 của Nhất Nam lái. Lương Tiểu L4 không cầm hung khí đi đến chỗ xe 05 chỗ 77A-146.55 đứng.

Lúc này nhóm Bin A1 đã đi vào trong tiệm cầm đồ, đóng kín cửa kính cường lực lại nên nhóm của C1 không đánh được mà dùng đao đập phá bàn

ghế, đồ đạc và cửa kính; nhóm Bin A1 từ bên trong ném đồ đạc, ly chén về phía nhóm C1, đồng thời lấy đao, kiếm cất trong nhà để tìm cách đánh lại nhóm C1. Hai bên hò hét, đập phá đồ đạc khoảng 03 phút thì nhóm C1 bắt đầu rút lui. Đối tượng tên Văn Minh Anh H20 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đưa lại khẩu súng cho N6 cất vào túi xách. T19, L1, T20, N6 cũng bắt đầu lùi, quay đầu xe ô tô. Tuy nhiên, nhóm của C1 chưa kịp bỏ đi thì nhóm Bin A1 xông ra ngoài, cầm theo đao, mác nhắm về hướng xe Tucson màu đen biển số 77A-146.55 thách thức ném ly, chén. Lê Hồng C3 cũng cầm một cây đao từ tiệm cầm đồ xông ra ngoài đứng dưới lòng đường trước nhà số E đường H la hét thách thức. Thấy vậy, C1 hô hào cả nhóm quay lại đánh nhóm Bin A1. Lúc này, xe ô tô hiệu Tucson do N6 điều khiển đứng gần vị trí nhóm Bin A1 nhất, đang dừng ở vị trí phía bên phải đường H, thành phố Q. Lê Bá H14 ngồi ở ghế phụ phía trước, Lê Minh H13 ngồi ở ghế sau bên phải xe, mỗi người cầm một khẩu súng hướng về phía nhóm Bin A1. Lê Minh H13 nhắm về phía nhóm Bin A1 bắn 1 phát. Cùng thời điểm H13 nổ súng, Lê Hồng C3 đang đứng giữa lòng đường bị bắn trúng vào đùi phải và đi ngược vào trong tiệm. H13 tiếp tục lên đạn, dùng súng bắn một phát nữa về hướng nhóm Bin A1. Sau đó, Lê Bá H14 cầm súng nhắm bắn về nhóm Bin A1 1 phát. Nhóm C1 lúc này bao gồm Trần Ngọc C1, Bùi Ngọc H17, Trần Minh Q2, Đặng Công T21, Lê Trần Thế S4, Hồ Công T18, Lê Anh V2, Nguyễn Thành C2, Trần Huỳnh H18 tiếp tục cầm đao, mác quay lại, tiếp tục xông vào đuổi chém nhóm Bin A1, Lê Bá H14 và H13 xuống xe cầm súng trên tay đi về phía tiệm cầm đồ nên nhóm Bin A1 vào nhà đóng cửa lại. Lúc này, Nguyễn Vũ Q1 cùng những người trên xe Tucson màu đen biển số 77A-146.55 đều xuống khỏi xe đứng; Bùi Thanh H19, Bùi Hồng V1 cầm đao đứng ngay xe 16 chỗ S4 lái; Phạm Gia H12 và nhóm ngồi trên xe Cerato màu đỏ biển số 77A-128.63 đều đã lên xe ngồi (trừ Mai Thành N7 chưa lên xe). Do không đánh được nhóm Bin A1 nên khoảng 01 phút sau, nhóm C1 lên xe ô tô, xe mô tô bỏ đi về hướng Hoàng Văn T26 - T. Xe của T19, L1, T20, N6 vẫn chở những người như lúc xuất phát rời đi.

Đối với nhóm Bin A1, khi thấy nhóm C1 từ hướng Hoàng Văn T26 đi đến, nhóm Bin A1 hò hét, thách thức, sử dụng bàn ghế, ly chén tại bàn ném về phía nhóm C1. Cụ thể: Lê Hồng C3, Lê Tiến L2, Nguyễn Văn B2 la hét thách thức; Tần Quang K1, Trần Tuấn K2, Trần Ngọc A2, Võ Văn Đ2, Nguyễn Trường N4, Nguyễn Cao Q3 la hét, ném ly chén, bàn ghế về hướng nhóm C1; Võ Thiện T23 la hét, thách thức, vào tiệm cầm đồ lấy ra một cây đao dài. Trần Quốc T24, Nguyễn Văn V3 bỏ chạy về phía hẻm đối diện, những người còn lại lui vào trong tiệm. Khi Nguyễn Hồng S2 lái xe 16 chỗ chạy đến

ngang qua tiệm cầm đồ thì nhóm Bin A1 chạy vào trong tiệm đóng cửa lại, từ bên trong ném đồ đạc, ly chén ra ngoài về hướng nhóm C1 đang cầm đao mác đứng phía trước.

Khoảng 02 phút sau, nhóm C1 bắt đầu rút lui thì nhóm Bin A1 cầm đao mác xông ra ngoài, la hét, dùng ly chén, bàn ghế ném về phía nhóm C1. Cụ thể: Lê Hồng C3 cầm một cây đao ngắn, Trần Ngọc A2 cầm một cây kiếm, Võ Văn Đ2 cầm một cán mác dài, Võ Thiện T23 cầm một một cây đao, Nguyễn Trường N4 cầm một cây đao, Nguyễn Cao Q3 cầm một cây mác ngắn, Lê Đăng K5 cầm một cây mác ngắn, Nguyễn Khánh V4 cầm một cây đao ngắn xông ra ngoài hò hét, Nguyễn Văn B2 cầm một bình chữa cháy đứng trước cửa tiệm. Tần Quang K1, Lê Tiến L2, Trần Ngọc A2, Nguyễn Trường N4, Mai Công Đ, Dương Gia B4, Nguyễn Khánh V4 xông ra ngoài dùng bàn ghế, ly chén dĩa ném về phía nhóm C1. Sau đó, lúc C3 đang đứng ở lòng đường thì bị bắn trúng đùi nên chạy vào trong tiệm. Lúc này, nhóm C1 cầm đao mác quay lại, xông đến tiệm cầm đồ nên nhóm Bin A1 lui vào trong tiệm khép cửa lại, tiếp tục ném ly chén, bàn ghế ra ngoài.

Khoảng 01 phút sau, nhóm C1 rút lui thì nhóm Bin A1 ra ngoài, nhiều người tập trung cầm đao, mác, kiếm đứng trước tiệm cầm đồ, dàn hàng ngang trên đường H, hò hét tập trung để chuẩn bị kéo nhau đi tìm nhóm C1 trả thù làm nhiều người đi đường hoảng sợ, cản trở giao thông, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Trong đó: Tần Quang K1 cầm một cây mác do Huỳnh Ngọc H11 đưa; Trần Tuấn K2 đi ra từ hẻm sát nhà hò hét, chạy sang hẻm đối diện cầm ra một cây mác dài quay lại cùng đồng bọn; Trần Ngọc A2 cầm một cây kiếm sau đó đưa lại cho Nguyễn Khánh V4, Võ Văn Đ2 cầm một cây mác; Võ Thiện T23 cầm một cây đao; Nguyễn Trường N4 cầm một cây kiếm sau đó đưa lại cho Lê Đăng K5 cầm; Nguyễn Cao Q3 cầm một cây mác ngắn sau đó đưa lại cho Nguyễn Khánh V4; M3 Công Điện cầm một cây mác cán dài; Mai Quốc Đ1 cầm một cây mác dài; Nguyễn Văn V3 từ trong hẻm cầm một cây mác dài đi ra, Lê Tiến L2 cầm 01 cây mác từ một người thanh niên chưa rõ nhân thân lai lịch. Khoảng 5 phút sau, nhóm Bin A1 kéo nhau đi về hẻm đối diện. C3 được đưa vào Bệnh viện Đ3 cấp cứu.

Sau khi đánh nhau, nhóm của Nguyễn Ngọc C4 bàn nhau tìm cách trốn, giấu hung khí. Riêng đối với các khẩu súng, Nguyễn Hồng S2 liên hệ với Phan Thanh T27 để nhờ cất giấu súng tại nhà của T27. N6 gom tổng cộng 03 khẩu súng bỏ vào túi xách đưa cho Hồng S2 rồi cả nhóm chạy đến nhà T27. Do T27 không có nhà nên S2 tự mở cửa vào nhà cất túi đựng 03 khẩu súng trong phòng ngủ rồi cả nhóm bỏ trốn đi nơi khác. Riêng S2 vẫn mang theo khẩu súng của

S2 trong quá trình bỏ trốn. Đến ngày hôm sau, T27 lái xe 92D-001.02 về nhà, lấy đao, mác trên xe đem cất giấu cùng với súng. Quá trình bỏ trốn, Nguyễn Hồng S2 nói Nguyễn Minh A biết việc cất súng, đao mác ở nhà T27 nên Minh A gọi điện thoại nhờ Nguyễn Thanh H21 (thường gọi là "Lỳ Cẩn") liên hệ với T27 để lấy lại súng, đao mác. Ngày 06/6/2023, Nguyễn Thanh H21 đã đến gặp T27 lấy lại 03 khẩu súng, đao mác sau đó bỏ trốn. Đến cuối tháng 8/2023, Lê Minh H13 về thành phố Q, lấy 03 khẩu súng từ H21 đến Cơ quan điều tra đầu thú, giao nộp súng.

Hậu quả: Lê Hồng C3 bị thương tích.

- Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 166/KLTTCT-PYBĐ ngày 09/6/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B *đối với* Lê Hồng C3 *như sau:* Vết thương 1/3 dưới ngoài đùi phải có lỗ ra mặt sau trong 1/3 dưới đùi phải gây dập rách cơ rộng ngoài, cơ nhị đầu đùi, không tổn thương xương đùi đã được phẫu thuật. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Hồng C3 tại thời điểm giám định là: **16%** (Mười sáu phần trăm)

- Tại Bản kết luận giám định số 265/2023/KL-KTHS ngày 09/6/2023 của Phòng K8 Công an tỉnh K *kết luận:*

+ 03 (ba) vật hình trụ rỗng, bằng kim loại màu vàng, dưới đáy có kí hiệu "YAS GLD 9mm PAK" thu tại hiện trường: là 03 vỏ đạn công cụ hỗ trợ cỡ (9x22)mm, do cùng một khẩu súng bắn ra. Loại đạn này sử dụng được cho súng công cụ cỡ 9mm, như: ZORAKI 914, ATAK, RG88... và các loại súng có cấu tạo cùng cỡ nòng phù hợp.

+ 01 (một) vật bằng kim loại màu vàng, một đầu bịt kín bằng vật hình cầu không rõ chất liệu màu đen, dưới đáy có kí hiệu "YAS GLD 9mm PAK": là 01 viên đạn cao su công cụ hỗ trợ cỡ (9x22)mm, sử dụng được cho súng công cụ cỡ 9mm, như: ZORAKI 914, ATAK, RG88... và các loại súng có cấu tạo cùng cỡ nòng phù hợp.

+ 01 (một) vật hình trụ rỗng bằng kim loại màu bạc, dưới đáy có kí hiệu "A USA 9mm LUGER": là vỏ đạn quân dụng cỡ (9x19)mm. Loại đạn này sử dụng được cho súng quân dụng cỡ nòng 9mm, như: BERETA M9, GLOK17, MP5, CZ75P... và các loại súng khác có cấu tạo cùng cỡ nòng phù hợp.

+ Vật nghi là đầu đạn: là một mảnh của đầu đạn quân dụng cỡ 9mm, đã bị biến dạng, không tìm thấy dấu vết sinh học trên mẫu vật này. Đầu đạn quân dụng cỡ 9mm có thể gây ra vết thương xuyên thủng đùi Lê Hồng C3. Tại thời điểm giám định, không có đủ cơ sở để kết luận mẫu vật trên có phải được bắn ra từ một trong các vỏ đạn gửi giám định.

+ Vật hình trụ rỗng, bằng kim loại màu vàng, dưới đáy có kí hiệu "YAS GLD 9mm PAK" (người dân giao nộp ngày 23/5/2023): là vỏ đạn công cụ hỗ trợ cỡ (9x22)mm. Loại đạn này sử dụng được cho súng công cụ cỡ 9mm, như: ZORAKI 914, ATAK, RG88... và các loại súng có cấu tạo cùng cỡ nòng phù hợp.

+ 05 (năm) vỏ đạn gửi giám định được bắn ra từ 03 khẩu súng, gồm 02 loại súng trở lên, trong đó có 01 khẩu súng quân dụng đã bắn ra vỏ đạn ký hiệu: "A USA 9mm LUGER".

+ Các ký tự có trên toàn bộ số vỏ đạn và đạn gửi giám định đều không bị đục phá, tẩy xóa, sửa chữa.

- *Tại Bản kết luận giám định số 431/2023/KL-KTHS ngày 15/9/2023 của* Phòng K8 Công an tỉnh K *kết luận:*

+ Mẫu M1 (do S2 giao nộp), Mẫu M, Mẫu M4 (02 khẩu do H13 giao nộp): là 03 khẩu súng ngắn công cụ hỗ trợ; bắn được loại đạn công cụ hỗ trợ cỡ (9x22)mm; không bắn được đạn quân dụng cỡ (9x19)mm.

+ Mẫu M5 (do H13 giao nộp): là khẩu súng tự chế kiểu ổ quay; có tính năng, tác dụng tương tự súng quân dụng, bắn được loại đạn thể thao cỡ (5,6x15,6)mm; không bắn được đạn công cụ hỗ trợ cỡ (9x22)mm và đạn quân dụng cỡ (9x19)mm.

+ Mẫu M2, Mẫu M6: là 09 viên đạn cao su công cụ hỗ trợ cỡ (9x22)mm, sử dụng được cho các khẩu súng Mẫu M1, Mẫu M, Mẫu M4; không sử dụng được cho khẩu súng Mẫu M5.

+ Khẩu súng Mẫu M1 (do S2 giao nộp) bắn ra 01 vỏ đạn của Mẫu M7 (do người dân giao nộp ngày 23/5/2023), không bắn ra các vỏ đạn và đầu đạn gửi giám định còn lại. Các khẩu súng Mẫu M3, Mẫu M, Mẫu M5: không bắn ra 04 (bốn) vỏ đạn công cụ hỗ trợ cỡ (9x22)mm, ký hiệu: "YAS GLD 9mm PAK" (Mẫu M7), vỏ đạn quân dụng cỡ (9x19)mm, ký hiệu: "A USA 9mm LUGER" (Mẫu M8) và mảnh đầu đạn quân dụng co 9mm (Mẫu M).

+ Khi sử dụng loại đạn quân dụng cỡ (9x19)mm: các loại súng ngắn quân dụng (như: BERETA M9, GLOK17, CZ75P) có tầm sát thương từ 0m đến lớn hơn 50m; súng tiểu liên quân dụng: MP5 có tầm sát thương từ 0m đến lớn hơn 100m; ở khoảng cách từ 24m đến 28m, các loại súng trên khi bắn đạn quân dụng cỡ (9x19)mm, có thể gây vết thương xuyên thủng đùi của Lê Hồng C3 cũng như có thể gây nguy hiểm đến tính mạng.

+ Loại đạn cao su cỡ (9x22)mm, ký hiệu: "YAS GLD 9mm PAK" khi bắn bằng các loại súng có cấu tạo phù hợp (trong đó có súng: ZORAKI 914,

ATAK, RG88...) ở khoảng cách từ 24m đến 28m không có khả năng gây sát thương và không thể gây vết thương xuyên thủng cơ thể người.

+ Số hiệu súng của Mẫu M4 bị mài mòn, tẩy xóa, không tái hiện được. Các ký tự có trên các khẩu súng còn lại cùng toàn bộ số vỏ đạn và đạn gửi giám định đều không bị đục phá, tẩy xóa, sửa chữa.

- *Tại Bản kết luận giám định số 322/KL-KTHS ngày 19/7/2024 của* Phòng K8 Công an tỉnh B *đối với 03 đĩa DVD bên trong chứa 06 file video (trong đó 01 đĩa DVD chứa 4 file video được trích xuất từ thẻ nhớ hiệu KIOXIA EXCERIA tạm giữ khi khám nghiệm hiện trường và 02 đĩa DVD chứa 02 file video do người dân giao nộp):* Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa hình ảnh trong 06 (sáu) file video lưu trữ trong 03 đĩa DVD gửi giám định.

- *Tại Bản kết luận giám định số 30/KL-KTHS ngày 16/01/2025 của* Phòng K8 Công an tỉnh B *đối với 02 xe ô tô như sau:*

+ Đối với xe ô tô nhãn hiệu FORD, loại xe ô tô khách, số loại TRANSIT màu trắng không gắn biển kiểm soát: số khung WF0FXXMCVF5G22798 (là số nguyên thủy), số máy: HFFA5G22798 (là số nguyên thủy).

+ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu FORD, loại xe tải VAN, số loại TRANSIT FCCY - HFFA, màu trắng, gắn biển kiểm soát 92D – 001.02: có số máy: HFFA3M20565 là số máy nguyên thủy, vị trí đóng số khung đã bị cắt khuyết kim loại, không xác định được số khung nguyên thủy của xe.

Với nội dung như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2025/HS-ST ngày 19-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai) đã quyết định:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Minh H, Võ Xuân M, Nguyễn Quốc H2, Trần Quang N, Hồ Quốc T5, Hồ Quang T7, Võ Xuân H6, Nguyễn Minh A, Lê Trí B5, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn B2, Tần Quang K1, Lê Tiến L2, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11 phạm tội "*Gây rối trật tự công cộng*".

2. Về hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Nguyễn Minh H: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.2. Đối với bị cáo Võ Xuân M: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Xuân M

27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 07/9/2023 đến ngày 02/02/2024.

2.3. Đối với bị cáo Nguyễn Quốc H2: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H2 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.4. Đối với bị cáo Trần Quang N: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 5 Điều 65; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quang N 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Tổ chức đua xe trái phép*" tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 96/2022/HS-PT ngày 20/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của nhiều bản án là 39 (ba mươi chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 05/6/2023 đến ngày 01/11/2023.

2.5. Đối với bị cáo Hồ Quốc T5: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hồ Quốc T5 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.6. Đối với bị cáo Hồ Quang T7: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hồ Quang T7 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.7. Đối với bị cáo Võ Xuân H6: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Võ Xuân H6 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.8. Đối với bị cáo Nguyễn Minh A: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh A 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 09/6/2023 đến ngày 05/11/2023.

2.9. Đối với bị cáo Lê Chí B1: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Chí B1 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.10. Đối với bị cáo Nguyễn Văn L1: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.11. Đối với bị cáo Nguyễn Văn B2: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B2 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 19/4/2024 đến ngày 16/8/2024.

2.12. Đối với bị cáo Tần Quang K1: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 56;Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tần Quang K1 18 (mười tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù về các tội "*Cưỡng đoạt tài sản*", "*Bắt, giữ người trái pháp luật*" tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2024/HS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của nhiều bản án là 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/4/2024, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 06/01/2022 đến ngày 03/8/2022.

2.13. Đối với bị cáo Lê Tiến L2: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Tiến L2 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 15/02/2024 đến ngày 13/7/2024.

2.14. Đối với bị cáo Trần Tuấn K2: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Tuấn K2 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.15. Đối với bị cáo Nguyễn Trường N4: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường N4 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.16. Đối với bị cáo Mai Công Đ: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Công Đ 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến ngày 02/4/2024.

2.17. Đối với bị cáo Huỳnh Ngọc H11: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc H11 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 20/12/2023 đến ngày 02/4/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, điều luật, hình phạt đối với các bị cáo khác trong cùng vụ án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 23, 25, 26, 27, 30/6/2025 các bị cáo Nguyễn Minh H, Võ Xuân M, Nguyễn Quốc H2, Trần Quang N, Hồ Quốc T5, Hồ Quang T7, Võ Xuân H6, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Minh A, Nguyễn Văn B2, Tần Quang K1, Lê Tiến L2, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11 kháng cáo;

Ngày 02/7/2025 các bị cáo Lê Trí B5 kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Võ Xuân M, Nguyễn Quốc H2, Trần Quang N, Hồ Quốc T5, Hồ Quang T7, Võ Xuân H6, Lê Trí B5, Nguyễn Văn L1 trình bày tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo.

Các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Minh A, Nguyễn Văn B2, Tần Quang K1, Lê Tiến L2, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11 trình bày giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh H, Võ Xuân M, Nguyễn Quốc H2, Trần Quang N, Hồ Quốc T5, Hồ Quang T7, Võ Xuân H6, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Minh A, Nguyễn Văn B2, Tần Quang K1, Lê Tiến L2, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11, Lê Trí B5 là trong thời hạn luật định.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Võ Xuân M, Nguyễn Quốc H2, Trần Quang N, Hồ Quốc T5, Hồ Quang T7, Võ Xuân H6, Lê Trí B5, Nguyễn Văn L1 trình bày tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo này.

Về nội dung:

Đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Minh A, Nguyễn Văn B2, Lê Tiến L2, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11: Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là đúng tội danh, đúng khung hình phạt. Tại phiên toà xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Nguyễn Minh H được Công an tỉnh G xác nhận có cung cấp thông tin liên quan đến đối tượng Huỳnh Văn N8 có quyết định truy nã; các bị cáo Nguyễn Văn B2, Lê Tiến L2, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11 có Đơn cứu xét xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, đối chiếu hành vi phạm tội với mức hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là thoả đáng, phù hợp, tương xứng với tính chấp, mức độ cũng như hậu quả của hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã thực hiện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo này.

Đối với kháng cáo của các bị cáo Tần Quang K1, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4: Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Tần Quang K1, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4 đúng tội danh, đúng khung hình phạt. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (tại phiên toà sơ thẩm chỉ thành khẩn khai báo) và cung cấp thêm một số tình tiết mới, cụ thể như sau: bị cáo Tần Quang K1 có cha đẻ là Hội viên Hội cựu chiến binh phường T và là người có công cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3 và nhiều Bằng khen; bản thân bị cáo Tần Quang K1 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự (chưa được cấp sơ thẩm xem xét), Đơn trình bày là lao động chính trong gia đình, cha mẹ thường xuyên đau yếu (có xác nhận của địa phương). Bị cáo Trần Tuấn K2 có Đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình thực sự khó khăn, là lao động chính, vợ có công việc không ổn định, con còn nhỏ, cha đẻ bị tai biến, mẹ đi thi hành án phạt tù (có xác nhận của địa phương). Bị cáo Nguyễn Trường N4 có Đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, vợ không có thu nhập ổn định, đang nuôi 03 con nhỏ đang đi học, có bà ngoại là Bà mẹ Việt Nam Anh hùng (có xác nhận của địa phương). Mặt khác, trong vụ án này các bị cáo Tần Quang K1, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4 đều bị rủ rê lôi kéo, quá trình thực hiện hành vi phạm tội cũng chỉ tham gia với vai trò thứ yếu. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Các bị cáo tranh tụng đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23, 25, 26, 27, 30/6/2025 và ngày 02/7/2025 các bị cáo Nguyễn Minh H, Võ Xuân M, Nguyễn Quốc H2, Trần Quang N, Hồ Quốc T5, Hồ Quang T7, Võ Xuân H6, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Minh A, Nguyễn Văn B2, Tần Quang K1, Lê Tiến L2, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11, Lê Trí B5 kháng cáo. Như vậy, kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Võ Xuân M, Nguyễn Quốc H2, Trần Quang N, Hồ Quốc T5, Hồ Quang T7, Võ Xuân H6, Lê Trí B5, Nguyễn Văn L1 trình bày tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo và bản án sơ thẩm có hiệu lực đối với các bị cáo.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Minh A, Nguyễn Văn B2, Tần Quang K1, Lê Tiến L2, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11:

[2.1] Về hành vi phạm tội, điều luật áp dụng:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm hôm nay các bị cáo nhận tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong cùng vụ án; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, thể hiện:

Xuất phát mâu thuẫn trước đó giữa Trần Ngọc C1 và Nguyễn Văn B2 (B) nên cả hai đã thách thức hẹn đánh nhau tại cây xăng P5 thuộc phường G, thành phố Q, tỉnh Bình Định vào đêm ngày 20/5/2023 và rạng sáng ngày 21/5/2023.

Nhóm của Trần Ngọc C1 gồm: Trần Ngọc C1, Lê Minh H13, Võ Nhất N6, Lê Bá H14 (đã tách vụ án, khởi tố vụ án khác do bị cáo bỏ trốn), Lương Tiểu L4, Nguyễn Đông H15, Nguyễn Anh P2, Mai Trường T16, Võ Thanh T17, Võ Ngọc H16, Phạm Gia H12, Nguyễn Minh A, Nguyễn Hồng S2, Nguyễn Hồng T19, Nguyễn Hà Minh V, Lê Chí B1, Bùi Ngọc H17, Nguyễn Vũ Q1, Nguyễn Minh H, Hồ Công T18, Mai Thành N7, Lê Trần Thế S4, Nguyễn Thành C2, Trần Huỳnh H18, Cao Gia B3, Bùi Thanh H19, Lê Anh V2, Trần Minh Q2, Bùi Hồng V1, Đặng Công T21, Hồ Quang T7, Nguyễn Quốc H2, Nguyễn Nhật T20, Trần Quang N, Nguyễn Văn L1, Võ Xuân H6, Võ Xuân M, Nguyễn Ngọc S3, Hồ Quốc T5, Nguyễn Quốc P3, Đinh Văn T22, Đinh K3 (42 người) và một số đối tượng khác (chưa rõ nhân thân, lý lịch) tập

trung tại quán bida "T22" số B đường H, thành phố Q chuẩn bị nhiều loại hung khí như súng, đao, mác và sử dụng nhiều xe ô tô, xe mô tô được dán kín biển kiểm soát, chuẩn bị quần áo, trang phục và thống nhất với nhau đeo khẩu trang màu trắng trên tay để tránh đánh nhầm. Sau khi tập trung lực lượng, chuẩn bị hung khí xong, nhóm Trần Ngọc C1 chở nhau bằng xe mô tô, xe ô tô kéo đến điểm hẹn để đánh nhau với nhóm Nguyễn Văn B2, nhưng không có nhóm Nguyễn Văn B2 nên nhóm Trần Ngọc C1 quay lại nơi tập trung. Sau khi biết nhóm Nguyễn Văn B2 đang ăn nhậu trước số nhà E đường H, thành phố Q, nhóm Trần Ngọc C1 đã kéo đến để đánh nhau với nhóm của Nguyễn Văn B2.

Nhóm của Nguyễn Văn B2 gồm: Nguyễn Văn B2, Lê Tiến L2, Tần Quang K1, Trần Tuấn K2, Trần Ngọc A2, Võ Thiện T23, Nguyễn Trường N4, Nguyễn Văn V3, Nguyễn Khánh V4, Mai Quốc Đ1, Huỳnh Ngọc H11, Mai Công Đ, Nguyễn Cao Q3, Nguyễn Thái K4, Lê Hồng C3, Lê Đăng K5, Võ Văn Đ2, Võ Quang P4, Dương Gia B4 (19 người) và một số đối tượng khác (chưa rõ nhân thân, lý lịch). Tại đây, hai nhóm hô hào, la hét, thách thức rượt đuổi, sử dụng nhiều loại hung khí để đánh nhau.

Trong lúc nhóm Trần Ngọc C1 chuẩn bị rút lui thì nhóm Nguyễn Văn B2 tiếp tục xông ra ngoài và đứng dưới lòng đường trước số nhà E đường H la hét, thách thức và ném ly, chén về phía nhóm Trần Ngọc C1. Thấy vậy, Lê Minh H13 đã dùng súng bắn 02 phát về phía nhóm Nguyễn Văn B2 làm trúng vào đùi phải của Lê Hồng C3 01 phát và Lê Bá H14 sử dụng súng bắn 01 phát về phía nhóm Bin A1 nhưng không trúng ai. Sau khi nghe tiếng súng nổ thì nhóm Trần Ngọc C1 gồm: Trần Ngọc C1, Lê Minh H13, Võ Nhất N6, Lê Bá H14, Bùi Ngọc H17, Nguyễn Thành C2, Bùi Thanh H19, Trần Huỳnh H18, Nguyễn Vũ Q1, Trần Minh Q2, Lê Trần Thế S4, Đặng Công T21, Hồ Công T18, Bùi Hồng V1, Lê Anh V2 (15 đối tượng) tiếp tục cầm hung khí tấn công vào nhóm Nguyễn Văn B2 nhưng không đánh được ai và rời khỏi hiện trường, bỏ mặc hậu quả xảy ra. Lê Hồng C3 bị Lê Minh H13 dùng súng bắn trúng vào đùi phải với tỉ lệ thương tích là 16%.

Hành vi thực hiện tội phạm "*Gây rối trật tự công cộng*" của các bị cáo như sau:

Nhóm của bị cáo Trần Ngọc C1*:*

Nguyễn Hồng S2, Nguyễn Minh A, Lê Minh H13, Võ Nhất N6, Võ Ngọc H16, Nguyễn Anh P2, Phạm Gia H12, Võ Xuân M, Bùi Ngọc H17, Nguyễn Vũ Q1, Nguyễn Minh H, Hồ Công T18, Mai Thành N7, Lê Trần Thế S4, Nguyễn Thành C2, Trần Huỳnh H18, Cao Gia B3, Bùi Thanh H19, Lê Anh

V2, Trần Minh Q2, Bùi Hồng V1, Đặng Công T21 (22 người): giữa các bị cáo với nhóm của Nguyễn Văn B2 không có mâu thuẫn. Bị cáo Nguyễn Minh A khi được bị cáo Trần Ngọc C1 rủ đã hưởng ứng tích cực, bị cáo rủ bị cáo Nguyễn Hồng S2 và dặn S2 chuẩn bị hung khí. Bị cáo Nguyễn Hồng S2 đem theo 01 cây súng, chuẩn bị 20 cây đao mác và khi nhóm bị cáo đến nơi nhóm bị cáo Nguyễn Văn B2 đang nhậu, bị cáo là người dùng súng bắn 03 phát chỉ thiên để ra hiệu cho đồng bọn. Các bị cáo còn lại khi được rủ đi đánh nhóm Nguyễn Văn B2 đã hưởng ứng tích cực, la hét và sử dụng hung khí xông vào đánh nhóm Nguyễn Văn B2 rất tích cực.

Lương Tiểu L4, Mai Trường T16, Nguyễn Hồng T19, Nguyễn Hà Minh V, Lê Chí B1, Nguyễn Nhật T20, Nguyễn Văn L1, Hồ Quốc T5, Nguyễn Ngọc S3, Nguyễn Quốc P3, Võ Xuân H6, Hồ Quang T7, Nguyễn Quốc H2, Trần Quang N, Đinh Văn T22, Đinh K3, Võ Thanh T17, Nguyễn Đông H15 (18 người): các bị cáo khi được rủ đi đánh nhóm Nguyễn Văn B2 đã hưởng ứng tích cực, chuẩn bị phương tiện để chở nhau đi đánh nhóm Nguyễn Văn B2. Trước số nhà E đường H các bị cáo không trực tiếp sử dụng hung khí để lao vào đánh nhóm Nguyễn Văn B2 mà chỉ ở trên xe ô tô hoặc chỉ đứng xem, nhưng các bị cáo đã giúp sức về mặt tinh thần cho các bị cáo còn lại xông vào đánh nhóm Nguyễn Văn B2. Đối với các bị cáo Nguyễn Đông H15, Võ Thanh T17 không đi cùng đồng bọn đến trước số nhà E đường H mà bỏ về trước. Tuy nhiên, khi được rủ đi đánh nhóm Nguyễn Văn B2 các bị cáo đã đồng ý tham gia và cùng đồng bọn chở nhau di chuyển trên các tuyến đường gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trên địa bàn, mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử phạt tương xứng.

Nhóm của bị cáo Nguyễn Văn B2*:*

Nguyễn Văn B2, Lê Tiến L2, Tần Quang K1: nguyên nhân xảy ra 02 nhóm thách thức hẹn đánh nhau cũng một phần do bị cáo Nguyễn Văn B2 gây ra. Khi nhóm bị cáo Trần Ngọc C1 tìm đến và xông vào đánh nhóm bị cáo tại trước số nhà E đường H, các bị cáo Lê Tiến L2, Tần Quang K1 đã hò hét, sử dụng hung khí, giúp sức về mặt tinh thần cho các đồng bọn chống trả nhóm bị cáo Trần Ngọc C1.

Trần Tuấn K2, Trần Ngọc A2, Nguyễn Trường N4, Nguyễn Khánh V4, Nguyễn Văn V3, Huỳnh Ngọc H11, Mai Công Đ, Nguyễn Cao Q3, Nguyễn Thái K4: giữa các bị cáo với nhóm bị cáo Trần Ngọc C1 không có mẫu thuẫn, nhưng khi nhóm bị cáo Trần Ngọc C1 xông đến đánh thì các bị cáo đã la hét, thách thức, ném ly, chén và lấy hung khí từ tiệm cầm đồ Hưng V5 để đánh nhau với nhóm bị cáo C1.

Với nội dung nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ khẳng định: Toà án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Minh A, Nguyễn Văn B2, Tần Quang K1, Lê Tiến L2, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11 về tội "*Gây rối trật tự công cộng*" với tình tiết "*Dùng hung khí*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Về mức hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Minh A, Nguyễn Văn B2, Tần Quang K1, Lê Tiến L2, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11 là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích đánh giá về tính chất, vai trò thực hiện tội phạm của từng bị cáo và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Từ đó, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Minh H 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Minh A 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Văn B2 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Bị cáo Tần Quang K1 18 (mười tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù về các tội "*Cưỡng đoạt tài sản*", "*Bắt, giữ người trái pháp luật*" tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2024/HS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của nhiều bản án là 48 (bốn mươi tám) tháng tù.

Bị cáo Lê Tiến L2 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Bị cáo Trần Tuấn K2 18 (mười tám) tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Trường N4 15 (mười lăm) tháng tù.

Bị cáo Mai Công Đ 18 (mười tám) tháng tù.

Bị cáo Huỳnh Ngọc H11 18 (mười tám) tháng tù.

Xét thấy:

Tại phiên toà xét xử phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Minh H có Đơn xác nhận của Công an tỉnh G về việc H có báo cáo thông tin có liên quan đến đối tượng Huỳnh Văn N8 có quyết định truy nã; các bị cáo Lê Tiến L2, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11, Nguyễn Văn B2 có Đơn cứu xét xin giảm nhẹ hình phạt (có xác nhận của chính quyền địa phương); bị cáo Trần Tuấn K2 có Đơn cứu xét xin giảm nhẹ hình phạt (có xác nhận của chính quyền địa phương), cha đẻ bị tai biến, mẹ đã đi thi hành án phạt tù; bị cáo Nguyễn Trường N4 có Đơn cứu xét xin giảm nhẹ hình phạt (có xác nhận của chính quyền địa phương), bị cáo N4 có bà ngoại là Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; bị

cáo Tần Quang K7 có cha là Hội viên Hội cựu chiến binh phường T và được tặng thương Huân chương chiến công, Bằng khen, bản thân bị cáo Tần Quang K7 có tham ra và đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự.

Tại phiên toà xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nhận định: các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Minh A, Nguyễn Văn B2, Tần Quang K1, Lê Tiến L2, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11 "*thành khẩn khai báo*". Tuy nhiên, tại phiên toà xét xử phúc thẩm hôm nay, các bị cáo "*thành khẩn khai báo*" và "*ăn năn hối cải*", thực sự thấy được sai phạm của mình, tỏ ra rất ân hận muốn được sửa chữa sai lầm. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Văn B2, Lê Tiến L2, Nguyễn Minh A không được áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Tiến L2, M3 Công Điện được áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự, nhưng bị cáo L2 bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "*Tái phạm*". Đối chiếu hành vi, vai trò thực hiện tội phạm của bị cáo với mức hình phạt tù mà Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng là thoả đáng, có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Văn B2, Lê Tiến L2, Nguyễn Minh A, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Tần Quang K1, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4 tham gia cùng trong nhóm của bị cáo Nguyễn Văn B2 do bị người khác rủ rê, có vai trò mức độ thấp, thứ yếu hơn đồng phạm khác và thấp hơn nhóm của bị cáo Trần Ngọc C1; được áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới như đã được phân tích nhận định nêu trên và là lao động chính trong gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Tần Quang K1, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4 và giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Văn B2, Lê Tiến L2, Nguyễn Minh A, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11 (không được chấp nhận kháng cáo) phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Võ Xuân M, Nguyễn Quốc H2, Trần Quang N, Hồ Quốc T5, Hồ Quang T7, Võ Xuân H6, Lê Trí B5, Nguyễn Văn L1 (rút kháng cáo) và các bị cáo Tần Quang K1, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4 (được chấp nhận kháng cáo) không phải chịu.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Võ Xuân M, Nguyễn Quốc H2, Trần Quang N, Hồ Quốc T5, Hồ Quang T7, Võ Xuân H6, Lê Trí B5, Nguyễn Văn L1 và bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo.

2. Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Văn B2, Lê Tiến L2, Nguyễn Minh A, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Tần Quang K1, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4.

3. Về tội danh:

Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Minh H, Nguyễn Minh A, Nguyễn Văn B2, Tần Quang K1, Lê Tiến L2, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11 phạm tội "*Gây rối trật tự công cộng*".

4. Về hình phạt:

4.1. Đối với bị cáo Nguyễn Minh H: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

4.2. Đối với bị cáo Nguyễn Minh A: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh A 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 09/6/2023 đến ngày 05/11/2023.

4.3. Đối với bị cáo Nguyễn Văn B2: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B2 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 19/4/2024 đến ngày 16/8/2024.

4.4. Đối với bị cáo Tần Quang K1: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tần Quang K1 15 (mười lăm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù về các tội "*Cưỡng đoạt tài sản*", "*Bắt,*

giữ người trái pháp luật" tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2024/HS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của nhiều bản án là 45 (bốn mươi lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/4/2024, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 06/01/2022 đến ngày 03/8/2022.

4.5. Đối với bị cáo Lê Tiến L2: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Tiến L2 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 15/02/2024 đến ngày 13/7/2024.

4.6. Đối với bị cáo Trần Tuấn K2: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Tuấn K2 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

4.7. Đối với bị cáo Nguyễn Trường N4: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường N4 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

4.8. Đối với bị cáo Mai Công Đ: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Công Đ 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến ngày 02/4/2024.

4.9. Đối với bị cáo Huỳnh Ngọc H11: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc H11 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 20/12/2023 đến ngày 02/4/2024.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Nguyễn Minh H, Nguyễn Văn B2, Lê Tiến L2, Nguyễn Minh A, Mai Công Đ, Huỳnh Ngọc H11 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Các bị cáo Võ Xuân M, Nguyễn Quốc H2, Trần Quang N, Hồ Quốc T5, Hồ Quang T7, Võ Xuân H6, Lê Trí B5, Nguyễn Văn L1, Tần Quang K1, Trần Tuấn K2, Nguyễn Trường N4 không phải chịu.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Thường **Đặng Kim Nhân** **Trần Quốc Cường**